

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương
Codupha**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số

0300483319

ngày 2 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300483319 ngày 15 tháng 1 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Sơn
Ông Lê Xuân Hải
Ông Lê Văn Minh
Ông Nguyễn Đức Thắng
Ông Phạm Thứ Triệu

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Hữu Hiền
Ông Trương Xuân Liên
Bà Đinh Thị Khởi
Ông Lê Văn Minh
Ông Lê Xuân Hải

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Bích Thảo
Ông Trương Chí Thiện
Ông Nguyễn Văn Khải

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 2,3,4,5,6 Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành
Phường 14, Quận 10
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 36 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00169-19-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.589.233.884.642	1.800.856.328.884
Tiền	110	4	55.572.813.497	95.668.497.187
Tiền	111		55.572.813.497	95.668.497.187
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		948.309.869.698	1.040.385.660.010
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	864.665.390.087	931.785.636.472
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.839.266.377	19.194.911.113
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	57.227.335.736	90.878.558.435
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.422.122.502)	(1.473.446.010)
Hàng tồn kho	140	9	572.717.650.424	648.976.967.318
Hàng tồn kho	141		574.327.326.490	650.131.408.288
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.609.676.066)	(1.154.440.970)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.633.551.023	15.825.204.369
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	2.390.451.164	3.910.706.727
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.928.029.553	11.741.630.851
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(a)	315.070.306	172.866.791
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		233.296.345.090	228.738.322.720
Tài sản cố định	220		190.314.294.318	102.431.161.559
Tài sản cố định hữu hình	221	10	133.012.280.091	43.604.663.385
Nguyên giá	222		205.148.569.429	113.835.475.443
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.136.289.338)	(70.230.812.058)
Tài sản cố định vô hình	227	11	57.302.014.227	58.826.498.174
Nguyên giá	228		61.557.702.508	60.237.524.915
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.255.688.281)	(1.411.026.741)
Tài sản dở dang dài hạn	240		710.585.000	82.113.715.372
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	710.585.000	82.113.715.372
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	37.297.932.893	42.881.566.676
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		3.894.705.265	3.478.339.048
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.403.227.628	39.403.227.628
Tài sản dài hạn khác	260		4.973.532.879	1.311.879.113
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	4.973.532.879	1.311.879.113
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.822.530.229.732	2.029.594.651.604

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.612.596.050.447	1.822.529.095.210
Nợ ngắn hạn	310		1.559.273.657.304	1.764.006.702.067
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	907.960.266.595	1.007.943.881.187
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.137.773.464	24.901.795.100
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(b)	1.123.947.574	7.585.884.978
Phải trả người lao động	314		3.923.250.316	10.734.111.017
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.258.740.899	1.222.967.716
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	40.068.975.054	52.300.073.709
Vay ngắn hạn	320	17(a)	573.800.703.402	655.928.966.211
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	-	3.389.022.149
Nợ dài hạn	330		53.322.393.143	58.522.393.143
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	12.922.393.143	12.922.393.143
Vay dài hạn	338	17(b)	40.400.000.000	45.600.000.000
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		209.934.179.285	207.065.556.394
Vốn chủ sở hữu	410	19	209.934.179.285	207.065.556.394
Vốn cổ phần	411	20	182.700.000.000	182.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.700.000.000	182.700.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		213.663.933	213.830.524
Cổ phiếu quỹ	415		(298.960.000)	(298.960.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.456.322.461	5.475.989.514
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	9.071.115.794	4.406.245.906
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.261.972.421	13.056.492.551
- Lợi nhuận sau thuế/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		2.990.114.958	(394.367.053)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.271.857.463	13.450.859.604
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.530.064.676	1.511.957.899
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.822.530.229.732	2.029.594.651.604

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Chu Thị Bích Hồng
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Văn Tuất
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	3.131.488.304.179	3.690.831.560.200
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	42.046.198.907	25.982.045.595
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	3.089.442.105.272	3.664.849.514.605
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	2.896.705.367.116	3.444.752.746.678
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		192.736.738.156	220.096.767.927
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	30.607.764.420	25.650.485.989
Chi phí tài chính	22	27	45.693.570.376	47.383.324.508
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		38.912.123.534	35.859.099.757
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		416.366.217	550.363.696
Chi phí bán hàng	25	28	115.422.561.363	120.568.471.131
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	33.961.124.507	54.357.816.072
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		28.683.612.547	23.988.005.901
Thu nhập khác	31	30	1.216.017.521	28.329.838.955
Chi phí khác	32	31	1.551.464.555	14.270.362.619
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(335.447.034)	14.059.476.336
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28.348.165.513	38.047.482.237
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.585.027.710	3.422.974.804
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		24.763.137.803	34.624.507.433

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		24.763.137.803	34.624.507.433
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		24.747.508.890	34.610.377.301
Cổ đông không kiểm soát	62		15.628.913	14.130.132
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.357	1.548

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Chu Thị Bích Hồng
 Kế toán tổng hợp


 Nguyễn Văn Tuất
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Bùi Hữu Hiền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	28.348.165.513	38.047.482.237
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	14.183.775.629	12.312.950.707
Các khoản dự phòng	03	1.547.443.058	2.627.886.980
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	874.999.394	4.549.601
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.791.199.730)	(42.626.331.995)
Chi phí lãi vay	06	38.912.123.534	35.859.099.757
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	71.075.307.398	46.225.637.287
Biến động các khoản phải thu	09	94.111.268.868	(185.611.946.184)
Biến động hàng tồn kho	10	74.660.550.328	47.601.097.318
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(114.222.347.787)	160.508.106.020
Biến động chi phí trả trước	12	(1.020.605.647)	8.661.204.261
		124.604.173.160	77.384.098.702
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.042.354.356)	(34.636.132.041)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.591.621.412)	(6.798.262.331)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.389.022.149)	(5.445.796.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.581.175.243	30.503.908.294
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(22.762.585.625)	(75.124.242.396)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	490.900.001	59.720.801.574
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26	6.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	1.867.410.727	44.909.476.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.404.274.897)	29.506.035.370

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND	Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(161.600.000)	
Tiền thu từ đi vay	33	1.980.027.571.285	1.832.061.106.744	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.067.355.834.094)	(1.853.108.795.491)	
Tiền trả cổ tức	36	(12.928.476.545)	(21.680.789.100)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(100.256.739.354)	(42.890.077.847)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(40.079.839.008)	17.119.865.817	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	95.668.497.187	78.548.631.370	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.844.682)	-	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	55.572.813.497	95.668.497.187	

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Chu Thị Bích Hồng
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Văn Tuất
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha tiền thân là Công ty Dược phẩm Trung ương 2, trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 theo Quyết định số 046/QĐ-TCTD ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Dược Việt Nam. Sau đó, Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 thành công ty cổ phần, Quyết định số 7090/QĐ-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con và các lợi ích của Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty và công ty con là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	31/12/2018 và 1/1/2018	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Viêng Chăn - Lào	93,7%	93,7%
Công ty liên kết			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	30%	30%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty như sau:

Tên	Địa chỉ
▪ Chi nhánh Hà Nội	Số 16, Ô C2/NO, Khu Nam Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
▪ Chi nhánh Hải Phòng	Số 142, Đường Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
▪ Chi nhánh Vinh	Số 182, Đường Thăng Long, Xóm 14, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
▪ Chi nhánh Miền Trung	Đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
▪ Chi nhánh Tây Nguyên	Số 74/20, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
▪ Chi nhánh Cần Thơ	Số 132A, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty và công ty con có 556 nhân viên (1/1/2018: 555 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác:

- phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khi Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm chi phí mua và tất cả các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị và dụng cụ quản lý	5 – 12 năm
▪ tài sản cố định khác	4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 30 đến 50 năm đối với quyền sử dụng đất có thời hạn. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cổ tức nhận trước đối với Cổ phiếu ưu đãi loại A sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con chỉ hoạt động tại Việt Nam và Lào, trong đó kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận hoạt động tại Lào không trọng yếu.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ.

4. Tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.134.891.449	4.422.897.660
Tiền gửi ngân hàng	51.437.922.048	91.245.599.527
	<hr/>	<hr/>
	55.572.813.497	95.668.497.187

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Đầu tư tài chính dài hạn

Thuyết minh	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2018		1/1/2018	
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Công ty liên kết						
• Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	(i)	30%	3.894.705.265	- (*)	3.478.339.048	- (*)
Đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương	(ii)	3,82%	29.000.000.000	- (*)	29.000.000.000	- (*)
• Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang		17,20%	472.484.723	- (*)	472.484.723	- (*)
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam	(iii)	5,26%	3.930.742.905	- (*)	9.930.742.905	- (*)
			<u>33.403.227.628</u>	<u>-</u>	<u>39.403.227.628</u>	<u>-</u>
			<u>37.297.932.893</u>	<u>-</u>	<u>42.881.566.676</u>	<u>-</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc của chúng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.478.339.048	2.927.975.352
Phần lợi nhuận được chia trong năm	416.366.217	550.363.696
	3.894.705.265	3.478.339.048

- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (“Đông Dương”) phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 cùng các phụ lục số 1 và phụ lục số 2 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm và Công ty TNHH Đầu tư Phú Trí.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 2.900.000 cổ phần ưu đãi đặc biệt loại A của Đông Dương (tương đương 3,82% tỷ lệ vốn góp, không có quyền biểu quyết và Công ty được nhận trước một khoản lợi nhuận cố định là 32,5 tỷ VND, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Đông Dương trong quá trình thực hiện dự án. Khoản lợi nhuận cố định này đang được ghi nhận trên chi tiêu Phải trả ngắn hạn khác - *Thuyết minh 16(a)*). Khoản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm - *Thuyết minh 17(b)(ii)*.

- (iii) Biến động các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.930.742.905	9.930.742.905
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	(6.000.000.000)	-
	3.930.742.905	9.930.742.905

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bệnh viện Chợ Rẫy	43.475.098.080	65.549.865.646
Bệnh viện Bạch Mai	31.993.865.813	40.898.401.170
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Toàn Hà	19.911.109.008	31.536.360.895
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	16.916.086.158	23.316.657.059
Bệnh viện Trung ương Huế	7.925.280.289	28.256.822.721
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bách niên	5.344.909.894	25.414.868.210
Các khách hàng khác	739.099.040.845	716.812.660.771
	864.665.390.087	931.785.636.472

Tại ngày báo cáo, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và toàn bộ khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu là 463.000 triệu VND (1/1/2018: 413.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 17(a)(i),(ii),(iii) và (iv)*.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	458.353.972	107.629.975
	458.353.972	107.629.975

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	24.454.853.316	47.343.418.938
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	11.779.994.248	8.013.570.013
Ký cược, ký quỹ	7.930.588.022	10.315.024.015
Tạm ứng	2.486.692.080	642.224.732
Phải thu lãi trả chậm	921.863.114	423.299.744
Phải thu khác	9.653.344.956	24.141.020.993
	57.227.335.736	90.878.558.435

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
▪ Công ty Cổ phần Khoa học & Công nghệ Sự Sống	Trên 5 năm	250.832.638	(250.832.638)	-	Trên 5 năm	250.832.638	(250.832.638)	-
▪ Công ty Cổ phần Hóa Dược Cường Thịnh	Trên 5 năm	484.337.872	(484.337.872)	-	Trên 5 năm	494.337.872	(494.337.872)	-
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Kỳ Phương	Trên 5 năm	324.129.424	(324.129.424)	-	Trên 5 năm	324.129.424	(324.129.424)	-
▪ Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Vương Tròn	Trên 3 năm	152.222.700	(152.222.700)	-	Trên 3 năm	152.222.700	(152.222.700)	-
▪ Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Phúc An Khang		-	-	-	Trên 1 năm	137.745.028	(41.323.508)	96.421.520
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bệnh viện Mê Kông	Trên 2 năm	177.380.416	(177.380.416)	-	Trên 2 năm	177.380.416	(177.380.416)	-
▪ Căn Thơ	Trên 1 năm	110.731.507	(33.219.452)	77.512.055	8 tháng	110.731.507	(33.219.452)	77.512.055
▪ Nhà thuốc Linh Châu								
		1.499.634.557	(1.422.122.502)	77.512.055		1.647.379.585	(1.473.446.010)	173.933.575

Trong đó:

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi – ngắn hạn

(1.422.122.502)

(1.473.446.010)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	20.500.858.158	-	55.889.030.625	-
Nguyên vật liệu	17.290.244.988	-	21.334.441.950	-
Công cụ và dụng cụ	3.501.488.930	-	6.532.910.837	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.925.312.281	-	8.608.493.326	-
Thành phẩm	11.176.333.276	-	11.078.040.146	-
Hàng hóa	517.933.088.857	(1.609.676.066)	546.688.491.404	(1.154.440.970)
	574.327.326.490	(1.609.676.066)	650.131.408.288	(1.154.440.970)

Tại ngày báo cáo, hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 447.100 triệu VND (1/1/2018: 435.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 17(a)(i),(ii),(iii),(iv) và (vi)*.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 1.610 triệu VND (1/1/2018: 1.154 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.154.440.970	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.598.766.566	1.154.440.970
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.143.531.470)	-
Số dư cuối năm	1.609.676.066	1.154.440.970

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	29.802.073.099	37.280.269.011	31.591.334.105	3.992.510.802	11.169.288.426	113.835.475.443
Tăng trong năm	11.186.593.264	2.656.953.732	1.329.093.545	131.150.000	18.530.100	15.322.320.641
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	69.334.042.982	16.238.788.908	2.100.770.910	-	-	87.673.602.800
Phân loại lại	(70.578.680)	2.271.471.681	2.147.031.800	-	(4.347.924.801)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.271.470.500)	-	-	-	-	(1.271.470.500)
Thanh lý	-	-	(387.200.000)	(46.327.273)	-	(433.527.273)
Xóa sổ	(548.007.598)	(4.307.590.651)	(731.199.234)	(46.398.000)	(4.312.634.214)	(9.945.829.697)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(12.645.334)	(8.919.313)	(2.325.957)	-	(8.111.381)	(32.001.985)
Số dư cuối năm	108.420.007.233	54.130.973.368	36.047.505.169	4.030.935.529	2.519.148.130	205.148.569.429
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.474.232.974	17.661.563.961	21.360.999.164	2.903.624.554	7.830.391.405	70.230.812.058
Khấu hao trong năm	4.878.419.520	3.733.155.683	3.093.104.074	265.556.854	194.137.654	12.164.373.785
Phân loại lại	(2.037.929.122)	2.870.706.213	493.078.242	-	(1.325.855.333)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(825.259.696)	-	-	-	-	(825.259.696)
Thanh lý	-	-	(351.706.675)	(46.327.273)	-	(398.033.948)
Xóa sổ	(548.007.598)	(3.377.122.678)	(731.199.234)	(40.598.250)	(4.312.634.214)	(9.009.561.974)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(10.112.007)	(8.446.470)	(1.797.871)	-	(5.684.539)	(26.040.887)
Số dư cuối năm	21.931.344.071	20.879.856.709	23.862.477.700	3.082.255.885	2.380.354.973	72.136.289.338
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	9.327.840.125	19.618.705.050	10.230.334.941	1.088.886.248	3.338.897.021	43.604.663.385
Số dư cuối năm	86.488.663.162	33.251.116.659	12.185.027.469	948.679.644	138.793.157	133.012.280.091

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 6.400 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 328 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định ở kho Lê Minh Xuân có giá trị còn lại là 78.949 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm các khoản vay của công ty - Thuyết minh 17(b)(i).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.836.625.834	2.400.899.081	60.237.524.915
Tăng trong năm	-	49.000.000	49.000.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.238.328.000	33.142.500	1.271.470.500
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	(292.907)	(292.907)
Số dư cuối năm	59.074.953.834	2.482.748.674	61.557.702.508
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	819.870.567	591.156.174	1.411.026.741
Khấu hao trong năm	1.834.280.739	185.121.105	2.019.401.844
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	651.893.828	173.365.868	825.259.696
Số dư cuối năm	3.306.045.134	949.643.147	4.255.688.281
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	57.016.755.267	1.809.742.907	58.826.498.174
Số dư cuối năm	55.768.908.700	1.533.105.527	57.302.014.227

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 591 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 591 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 45.571 triệu VND (1/1/2018: 47.143 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 17(b)(i)*.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	82.113.715.372	2.222.362.000
Tăng trong năm	7.391.264.984	66.817.852.402
Chuyển (sang)/từ tài sản cố định hữu hình	(87.673.602.800)	14.228.928.743
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước ngắn hạn	(1.120.792.556)	253.072.227
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.408.500.000)
Số dư cuối năm	710.585.000	82.113.715.372

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Xây dựng kho - Lê Minh Xuân	-	74.033.166.236
Xây dựng kho - Đà Nẵng	-	6.640.879.136
Khác	710.585.000	1.439.670.000
	<hr/>	<hr/>
	710.585.000	82.113.715.372
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có công trình xây dựng cơ bản dở dang nào (1/1/2018: 74.033 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 17(b)(i)*.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	2.390.451.164	2.833.884.116
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.076.822.611
	<hr/>	<hr/>
	2.390.451.164	3.910.706.727
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Khác	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.311.879.113	-	-	1.311.879.113
Tăng trong năm	109.223.663	1.467.044.910	3.066.307.350	4.642.575.923
Phân bổ trong năm	(45.367.572)	(230.686.000)	(704.868.585)	(980.922.157)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.375.735.204	1.236.358.910	2.361.438.765	4.973.532.879
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam	108.181.417.253	108.181.417.253	74.934.077.057	74.934.077.057
JW Pharmaceutical Corporation	12.365.973.702	12.365.973.702	65.732.093.589	65.732.093.589
Các nhà cung cấp khác	787.412.875.640	787.412.875.640	867.277.710.541	867.277.710.541
	907.960.266.595	907.960.266.595	1.007.943.881.187	1.007.943.881.187

(b) Phải trả của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	48.236.442.685	48.236.442.685	7.972.221.297	7.972.221.297
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	8.986.111.095	8.986.111.095	1.702.863.034	1.702.863.034
Công ty Cổ phần Dược Danapha	5.875.275	5.875.275	556.780.021	556.780.021
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	210.705.108	210.705.108	396.973.378	396.973.378
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	335.656.618	335.656.618	345.763.656	345.763.656

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số đã trả trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số được hoàn, giảm trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	270.318.823	270.318.823
Thuế xuất, nhập khẩu	117.673.346	2.661.299.267	(2.765.636.645)	-	13.335.968
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.193.445	33.877.463	(79.896.885)	-	9.174.023
Thuế khác	-	22.241.492	-	-	22.241.492
	172.866.791	2.717.418.222	(2.845.533.530)	270.318.823	315.070.306

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được hoàn, giảm trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Đã điều chỉnh lại					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.977.046.056	3.505.130.825	(7.557.743.949)	-	924.432.932
Thuế thu nhập cá nhân	324.577.548	1.261.957.768	(1.387.020.674)	-	199.514.642
Thuế giá trị gia tăng	219.278.556	212.714.266.848	(51.516.387.758)	(161.417.157.646)	-
Thuế khác	2.064.982.818	16.000.000	(2.080.982.818)	-	-
	7.585.884.978	217.497.355.441	(62.542.135.199)	(161.417.157.646)	1.123.947.574

19 -
CÔNG
PHÁP
TRƯ
C
QUẢN

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

		31/12/2018	1/1/2018
		VND	VND
Cổ tức nhận trước chờ phân bổ	(i)	10.833.338.334	21.666.676.667
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		11.976.118.238	21.161.779.842
Hỗ trợ tiền thuê nhà		4.743.750.000	6.468.750.000
Cổ tức phải trả		10.931.454.000	1.897.190.000
Nhận ủy thác nhập khẩu		827.425.017	728.685.078
Kinh phí công đoàn		-	94.646.592
Các khoản phải trả khác		756.889.465	282.345.530
		<hr/>	<hr/>
		40.068.975.054	52.300.073.709

(i) Cổ tức nhận trước đối với Cổ phiếu ưu đãi loại A (Thuyết minh 5) sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

(b) Phải trả dài hạn khác

		31/12/2018	1/1/2018
		VND	VND
Hỗ trợ di dời nhận được		12.922.393.143	12.922.393.143
		<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

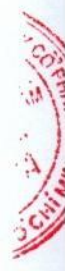
	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	650.728.966.211	650.728.966.211	1.980.027.571.285	(2.062.155.834.094)	568.600.703.402	568.600.703.402
Vay dài hạn đến hạn trả	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	(5.200.000.000)	5.200.000.000	5.200.000.000
	655.928.966.211	655.928.966.211	1.985.227.571.285	(2.067.355.834.094)	573.800.703.402	573.800.703.402

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	3,5% - 9,8%	131.757.590.098	278.147.778.698
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	VND	5,0% - 5,6%	216.439.705.963	199.511.154.590
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	VND	5,5%	35.440.237.506	54.784.306.771
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	VND	5,5%	42.029.095.201	50.732.695.923
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	VND	5,5% - 5,6%	29.962.493.824	33.298.561.160
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	VND	5,2%	95.657.838.112	-
Vay cán bộ công nhân viên	VND	6%	537.304.492	14.098.842.882
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	LAK	7,3%	16.776.438.206	-
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt	VND	9%	-	10.314.756.925
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	VND	9,5%	-	9.840.869.262
			568.600.703.402	650.728.966.211



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo như sau:

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và toàn bộ khách hàng của Công ty với giá trị 275.000 triệu VND (1/1/2018: 275.000 triệu VND) (Thuyết minh 6) theo hợp đồng thế chấp số 13.171002/HĐTC ngày 19/8/2013 và các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này; và
 - Một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 203.000 triệu VND (1/1/2018: 203.000 triệu VND) (Thuyết minh 9) theo hợp đồng thế chấp số 13.171001/HĐTC ngày 19/8/2013 và các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
- (ii) Tài sản đảm bảo chung cho mọi nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn như sau:
- Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu là 150.000 triệu VND (1/1/2018: 150.000 triệu VND) (Thuyết minh 9); và
 - Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và toàn bộ khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu là 100.000 triệu VND (1/1/2018: 50.000 triệu VND) (Thuyết minh 6).
- (iii) Tài sản đảm bảo chung cho mọi nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân như sau:
- Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty tại địa điểm kho hàng ở Lô số 9 – Khu Công nghiệp Yên Nghĩa - Hà Đông - Hà Nội, với giá trị 62.000 triệu VND (1/1/2018: 62.000 triệu VND) (Thuyết minh 9); và
 - Quyền đòi nợ phát sinh từ các các khoản phải thu/quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên thế chấp phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế/Hợp đồng mua bán hoặc các Hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh với giá trị là 78.000 triệu VND và duy trì tại mọi thời điểm (Thuyết minh 6).
- (iv) Tài sản đảm bảo chung cho mọi nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn như sau:
- Hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị là 20.000 triệu VND (Thuyết minh 9) và duy trì tối thiểu tại mọi thời điểm; và
 - Quyền đòi nợ phát sinh từ các các khoản phải thu/quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên thế chấp phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế/Hợp đồng mua bán hoặc các Hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh với giá trị là 10.000 triệu VND và duy trì tại mọi thời điểm (Thuyết minh 6).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Các khoản vay này không được đảm bảo.
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị là 12.100 triệu VND (Thuyết minh 9) và duy trì tối thiểu tại mọi thời điểm.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	45.600.000.000	50.800.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	40.400.000.000	45.600.000.000
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	8,3%	2021	16.600.000.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm (ii)	VND	0%	2020	29.000.000.000	29.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				45.600.000.000	50.800.000.000
				<hr/>	<hr/>

Các khoản vay được đảm bảo như sau:

- (i) Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Kho Lê Minh Xuân (“Dự án”) có giá trị còn lại 124.520 triệu VND (1/1/2018: 121.176 triệu VND) (Thuyết minh 10, 11, 12);
 - Công trình xây dựng gắn liền với đất và các động sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án; và
 - Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án.
- (ii) Khoản vay này được bảo đảm bằng số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (Thuyết minh 5).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.389.022.149	2.465.686.747
Tăng trong năm	-	6.369.131.438
Sử dụng trong năm	(3.389.022.149)	(5.445.796.036)
Số dư cuối năm	-	3.389.022.149

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	182.700.000.000	163.439.351	(137.360.000)	5.398.761.724	4.406.245.906	(394.367.053)	1.502.564.352	193.639.284.280
Lợi nhuận thuần trong năm (đã điều chỉnh lại)	-	-	-	-	-	34.610.377.301	14.130.132	34.624.507.433
Lợi nhuận thuần trong kỳ - đã báo cáo trước đây, Điều chỉnh lại (Thuyết minh 36)	-	-	-	-	-	31.858.962.700	14.130.132	31.873.092.832
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(161.600.000)	-	-	-	-	(161.600.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.369.131.438)	-	(6.369.131.438)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(14.592.320.000)	-	(14.592.320.000)
Biến động khác	-	50.391.173	-	77.227.790	-	(198.066.259)	(4.736.585)	(75.183.881)
Số dư tại ngày 1/1/2018 – Đã điều chỉnh lại	182.700.000.000	213.830.524	(298.960.000)	5.475.989.514	4.406.245.906	13.056.492.551	1.511.957.899	207.065.556.394
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	24.747.508.890	15.628.913	24.763.137.803
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.664.869.888	(4.664.869.888)	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(21.888.480.000)	-	(21.888.480.000)
Biến động khác	-	(166.591)	-	(19.667.053)	-	11.320.868	2.477.864	(6.034.912)
Số dư tại ngày 31/12/2018	182.700.000.000	213.663.933	(298.960.000)	5.456.322.461	9.071.115.794	11.261.972.421	1.530.064.676	209.934.179.285

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	18.270.000	182.700.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	182.700.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	29.600	298.960.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	18.240.400	182.401.040.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông của Công ty:

	31/12/2018		1/1/2018	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần (“CTCP”)	121.225.000.000	66%	121.225.000.000	66%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	42.269.500.000	23%	42.269.500.000	23%
Các cổ đông khác	19.205.500.000	11%	19.205.500.000	11%
	182.700.000.000	100%	182.700.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	18.240.400	182.401.040.000	18.256.400	182.564.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(16.000)	(162.960.000)
Số dư cuối năm	18.240.400	182.401.040.000	18.240.400	182.401.040.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

22. Cổ tức

Tại các cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2018 và ngày 29 tháng 11 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 5.472 triệu VND và 16.416 triệu VND (2017: 14.952 triệu VND).

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	7.851.197.500	8.447.912.000
Trong vòng hai đến năm năm	19.756.347.500	28.596.870.000
	27.607.545.000	37.044.782.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	341.783	8.241.092.854	1.987	45.196.926
EUR	106.666	2.837.394.012	672	18.733.289
THB	4.050.000	10.935.000	1.631.802	1.166.738.465
LAK	167.206.159	451.456.629	386.299.101	1.043.769.523
		11.529.954.430		2.274.438.203

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	3.098.033.845.014	3.663.975.893.038
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.454.459.165	26.855.667.162
	<hr/>	<hr/>
	3.131.488.304.179	3.690.831.560.200
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	37.126.319.231	24.756.066.712
▪ Chiết khấu thương mại	205.197.530	-
▪ Giảm giá hàng bán	4.714.682.146	1.225.978.883
	<hr/>	<hr/>
	42.046.198.907	25.982.045.595
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	3.089.442.105.272	3.664.849.514.605
	<hr/>	<hr/>

25. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	2.891.049.714.445	3.437.764.913.986
▪ Dịch vụ đã cung ứng	5.655.652.671	6.987.832.692
	<hr/>	<hr/>
	2.896.705.367.116	3.444.752.746.678
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.617.954.434	3.109.402.749
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	7.576.306.366	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.867.356.227	1.008.862.909
Chiết khấu thanh toán được hưởng	5.557.809.060	10.543.936.498
Cổ tức được chia	10.988.338.333	10.988.283.833
	<hr/> 30.607.764.420	<hr/> 25.650.485.989

27. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	38.912.123.534	35.859.099.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.781.446.842	11.524.224.751
	<hr/> 45.693.570.376	<hr/> 47.383.324.508

28. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	60.222.995.304	68.200.260.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.361.728.723	24.123.428.781
Chi phí khấu hao	11.921.386.708	9.330.347.598
Chi phí vật liệu, bao bì	3.090.361.315	3.562.443.729
Chi phí khác	20.826.089.313	15.351.990.024
	<hr/> 115.422.561.363	<hr/> 120.568.471.131

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.756.980.909	5.984.093.476
Chi phí khấu hao	640.430.796	1.448.859.173
Chi phí đồ dùng văn phòng	578.278.363	4.453.401.181
Thuế, phí và lệ phí	280.839.445	17.805.615.819
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(51.323.508)	1.473.446.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.995.791.481	16.688.200.179
Chi phí khác	8.760.127.021	6.504.200.234
	<hr/>	<hr/>
	33.961.124.507	54.357.816.072

30. Thu nhập khác

	2018	2017
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	455.406.676	-
Tiền thưởng, bồi thường	304.108.101	1.323.591.838
Tiền bồi thường từ chuyển giao đất	-	24.910.051.024
Tiền hỗ trợ thuê văn phòng	-	1.583.620.000
Thu nhập khác	456.502.744	512.576.093
	<hr/>	<hr/>
	1.216.017.521	28.329.838.955

31. Chi phí khác

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ	936.267.723	-
Phạt vi phạm hành chính	414.192.926	157.562.123
Chi phí giải tòa mặt bằng	-	4.216.460.200
Chi phí khác	201.003.906	9.896.340.296
	<hr/>	<hr/>
	1.551.464.555	14.270.362.619

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.896.705.367.116	3.425.163.601.928
Chi phí nhân viên	65.979.976.213	74.571.886.247
Chi phí khấu hao	14.183.775.629	12.312.950.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.306.999.327	40.811.628.960
Chi phí khác	29.586.216.334	59.400.376.907

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	3.458.086.369	5.601.137.416
Dự phòng thiếu/(thừa) những năm trước	126.941.341	(2.178.162.612)
	3.585.027.710	3.422.974.804

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.348.165.513	38.047.482.237
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.669.633.103	7.609.496.447
Thu nhập được miễn thuế	(2.197.667.667)	(2.197.656.767)
Chi phí không được khấu trừ thuế	76.782.285	304.564.509
Dự phòng thiếu/(thừa) những năm trước	126.941.341	(2.178.162.612)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác của công ty con	(90.661.352)	(115.266.773)
	3.585.027.710	3.422.974.804

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại Lào.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm. Tuy nhiên hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định này có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết mà chỉ phát sinh chi phí lãi vay trên khoản vay từ các bên không phải là bên liên kết. Theo diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Công ty, quy định này không áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết. Tuy nhiên việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp công ty không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc Công ty không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ (ước tính là 4.426.456.554 VND) khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm	24.747.508.890	34.610.377.301
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(6.369.131.438)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>24.747.508.890</u>	<u>28.241.245.863</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành

	2018 VND	2017 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	18.240.400	18.256.400
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty mua trong năm	-	(16.000)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	18.240.400	18.240.400

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre		
Mua hàng hóa	956.333.190	1.166.490.967
Bán hàng hóa	30.917.184	77.896.569
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam		
Mua hàng hóa	168.451.294.178	70.346.716.274
Bán hàng hóa	392.797.057	295.787.607
Thu nhập khác	-	149.854.545
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược Danapha		
Mua hàng hóa	29.145.252	5.613.334.614
Bán hàng hóa	407.000.000	200.913.940
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
Mua hàng hóa	18.833.245.820	9.661.624.459
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang		
Bán hàng hóa	810.987.989	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.068.813.180	2.245.970.230
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	463.494.410	525.775.010

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	686.301.250	615.865.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.197.679.500	1.224.462.200

36. Số liệu so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước thể hiện kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty, trong đó nêu một số khác biệt so với số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán độc lập của Công ty. Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2018 VND (đã điều chỉnh lại)	1/1/2018 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	90.878.558.435	87.038.126.656
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.910.706.727	3.801.483.064
Thuế phải nộp Nhà nước	7.511.624.433	6.387.644.137
LNST chưa phân phối năm nay	13.450.859.604	10.699.445.003

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND (đã điều chỉnh lại)	2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.690.831.560.200	3.689.381.312.112
Giá vốn hàng bán	3.444.752.746.678	3.446.997.912.358
Chi phí bán hàng	120.568.471.131	120.494.210.586
Chi phí khác	14.270.362.619	14.379.586.282
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.422.974.804	2.444.012.519

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2017 VND (đã điều chỉnh lại)	2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.047.482.237	34.317.105.351
Biến động các khoản phải thu	(185.611.946.184)	(181.771.514.405)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	160.508.106.020	160.288.827.464
Biến động chi phí trả trước	8.661.204.261	8.770.427.924

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Chu Thị Bích Hồng
 Kế toán tổng hợp


 Nguyễn Văn Tuất
 Kế toán trưởng


 Người duyệt:
 Bùi Hữu Hiền
 Tổng Giám đốc